

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 01 năm 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thế Anh
2. Ông Lê Hồng Thức

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhẫn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị Ch, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn CK, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn CK, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2021, được bổ sung trong bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Lò Thị Ch trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị Ch và anh Phạm Văn Th tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, ép buộc hay đe dọa, đăng ký kết

hôn tại UBND xã YT, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá là nơi chị thường trú trước khi kết hôn và được UBND xã YT cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 27/5/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng cư trú tại Thôn CK, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá. Thời gian đầu chung sống vợ chồng luôn hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và gia đình anh Th không cùng dân tộc, chị là người dân tộc Thái, còn gia đình anh Th là người dân tộc Mường nên giữa chị và gia đình anh Th có nhiều điểm bất đồng về ngôn ngữ, lối sống, sinh hoạt, bất đồng trong cư xử, giao tiếp, làm ăn và nuôi dạy con cái. Mặc dù giữa chị và anh Th không chửi bới, xúc phạm hay đánh nhau, nhưng những lúc giữa chị và người thân của anh Th xảy ra mâu thuẫn thì anh Th luôn đứng về phía gia đình mà không làm trung gian hoà giải, cũng không bảo vệ chị. Vì vậy, chị luôn cảm thấy cô đơn, tủi thân, cuộc sống luôn căng thẳng, nặng nề. Đến khoảng tháng 3/2018, không chịu đựng được cuộc sống như vậy nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại bản C, xã YT, huyện LC để ở, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con: Chị Lò Thị Ch và anh Phạm Văn Th có 01 con chung là cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 05/7/2008, kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu H ở cùng anh Th, cháu vẫn khoẻ mạnh và được chăm sóc tốt. Chị mới xin được làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn HL, địa chỉ: Phường KN, thành phố BN, tỉnh BN. Chị không có nơi ở ổn định, hơn nữa tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, việc đi lại gặp nhiều khó khăn nên chị chưa có điều kiện tốt để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Để cuộc sống và việc học tập của cháu H không bị xáo trộn, chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) kể từ khi Tòa án quyết định cho chị và anh Th ly hôn đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Lò Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lò Thị Ch có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải; đề nghị tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị, với lý do chị đang làm việc tại vùng có dịch nên không thể tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh Th đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, nhưng anh Th không đến. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Th vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện LC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải, nên vụ án thuộc trường không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn Lò Thị Ch và Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 27/5/2008, do UBND xã YT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị Ch và anh Phạm Văn Th là hợp pháp.

[5]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Ch, Hội đồng xét xử thấy: Giữa chị Ch và anh Th thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị Lò Thị Ch và anh Phạm Văn Th có nhiều bất đồng về ngôn ngữ, lối sống, sinh hoạt, bất đồng trong cư xử, giao tiếp, làm ăn và nuôi dạy con cái, dẫn đến vợ chồng thờ ơ, lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã có thời gian dài ly thân nhưng chị Ch và anh Th không bàn bạc tìm cách giải quyết mâu thuẫn nên tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ch đề nghị không hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ được. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Ch và anh Th không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Ch, quyết định cho chị Ch và anh Th ly hôn.

[6]. Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Lò Thị Ch và bản sao Giấy khai sinh của cháu H đủ cơ sở xác định: Cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 05/7/2008 là con chung của chị Ch và anh Th. Xét đề nghị của chị Ch, thấy: Hiện nay, chị Ch đang làm công nhân tại tỉnh BN, chị Ch chưa có nơi ở ổn định, BN là nơi tình

hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, nếu giao con cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn; mặt khác, kể từ khi chị Ch và anh Th ly thân, cháu H ở cùng anh Th. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì cháu H vẫn khỏe mạnh, được chăm sóc tốt và học hành đầy đủ, cháu đang học tại địa phương. Vì vậy, để cuộc sống và việc học tập của cháu không bị xáo trộn nên giao cháu H cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Căn cứ mức thu nhập của chị Ch, anh Th, mức thu nhập và nhu cầu thiết yếu trung bình ở địa phương thì mức cấp dưỡng mà chị Ch đề nghị cấp dưỡng cho cháu H là phù hợp, nên chấp nhận sự tự nguyện của chị Ch. Chị Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[7]. Về tài sản: Chị Lò Thị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Chị Lò Thị Ch là nguyên đơn trong vụ án ly hôn và phải cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, các điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị Ch được ly hôn anh Phạm Văn Th.

Về con: Giao cháu Phạm Khánh H, sinh ngày 05/7/2008 cho anh Phạm Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ch, chị Ch cấp dưỡng cho cháu H mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 02/2022 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lò Thị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), tổng là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0015603 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị Ch còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn*

đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Lò Thị Ch, anh Phạm Văn Th. Chị Ch, anh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã YT, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA